TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/HS-PT
Ngày: 01-3-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết

Các thẩm phán: Ông Trương Công Bình, ông Nguyễn Ngọc Sâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Quyết Chiến – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án Hình sự thụ lý số 20/2024/TLPT-HS ngày 18/01/2024 đối với bị cáo Đỗ Ngọc S về tội "Cố ý gây thương tích"; do có kháng cáo của bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2023/HSST ngày 20/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị cáo:**

Họ và tên: Đỗ Ngọc S, sinh năm 1973 tại tỉnh Thái Bình ; nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: làm nông; dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Ngọc L (đã chết) và bà Phạm Thị D; có vợ là Lương Thị S1 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án; tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt tại phiên tòa;

*** Bị hại:** Ông Phan Văn T, sinh năm 1978 - Có mặt.

Trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

*** Người làm chứng:** Bà Phan Thị T1, sinh năm 1983 - Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 ngày 17/5/2023, bị cáo Đỗ Ngọc S đi vào rẫy tại thôn I, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để chặt cành cây gòng trụ tiêu. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, S cầm theo một con dao rựa đi xuống hồ cá để cho cá ăn thì gặp vợ chồng ông Phan Văn T và bà Phan Thị T1 đi thăm rẫy. Do trước đó gia đình S và gia đình ông T mâu thuẫn về việc tranh chấp đất đai nên giữa S và bà T1 xảy ra cãi nhau. Trong lúc bực tức bà T1 dùng tay bẻ lá cây dừa do S trồng cạnh bờ hồ cá, thấy vậy S dùng tay xô, đẩy bà T1 làm bà T1 bị ngã và bà T1 la lên là bị S đánh. Lúc này, ông T đang đứng cách bà T1 khoảng 20 mét thấy bà T1 bị ngã nên ông T chạy đến phía bà T1. Khi ông T chạy đến gần bà T1 thì S cầm con dao rựa bằng tay phải chém một nhát về phía người ông T theo hướng từ trên xuống dưới nhưng không trúng, S tiếp tục chém tiếp theo hướng ngược lại từ trên xuống dưới, từ trái sang phải trúng vào tay phải của ông T gây thương tích. Bị S chém trúng tay nên ông T nhặt 01 cành cây cà phê đánh về phía Sử trúng vào vùng đầu, vai và tay của S. Sau đó S và ông T giằng co nhau và cùng nhau trượt chân ngã xuống hồ cá, hai người tiếp tục giằng co đánh nhau bằng tay, chân, mũ bảo hiểm. Một lúc sau ông T leo lên bờ và được bà T1 đưa đi đến bệnh viện Đ để điều trị vết thương, còn S được gia đình đưa đến bệnh viện Đ1 điều trị.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 389/KLTTCT-PY ngày 29/6/2023 của Trung tâm pháp y Sở Y, kết luận:

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từng thương tích của Phan Văn T:

+ Vết thương để lại sẹo hình chữ "S" mặt sau trong 1/3 giữa cẳng tay phải, bờ đều gọn, kích thước: 7,5cm x 0,2cm, tỷ lệ: 2% (hai phần trăm).

+ Vết thương để lại sẹo mặt sau 1/3 dưới cẳng tay phải, bờ đều gọn, kích thước 3,5cm x 0,2cm, tỷ lệ: 1% (một phần trăm).

+ Đứt hoàn toàn gân duỗi cổ tay trụ, duỗi riêng ngón 5, duỗi ngón cái dài, bán phần duỗi chung các ngón đã khâu nối còn hạn chế vận động cổ bàn tay phải, tỷ lệ 7% (bảy phần trăm).

Tổng Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phan Văn Thực t thời điểm giám định là: 10% (mười phần trăm). Vật tác động: vật sắc.

- Cơ chế hình thành thương tích:

+ Vết thương để lại sẹo mặt sau 1/3 dưới cẳng tay phải, do vật sắc tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau, từ phải qua trái.

+ Vết thương để lại sẹo mặt sau trong 1/3 giữa cẳng tay phải, đứt gân duỗi cổ tay trụ, duỗi riêng ngón 5, duỗi ngón cái dài, bán phần duỗi chung các ngón do vật sắc tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau, từ phải qua trái.

Tại Bản kết luận giám định lại lần thứ nhất tổn thương cơ thể trên người sống số: 1931/KL-KTHS ngày 25/9/2023 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận:

Các kết quả chính:

- Căn cứ kết quả nghiên cứu hồ sơ, khám giám định, khám chuyên khoa và cận lâm sàng, xác định ông Phan Văn T có tổn thương:

+ Sẹo mặt sau 1/3 giữa cẳng tay phải, kích thước nhỏ.

+ 02 sẹo mổ mặt sau 1/3 giữ cẳng tay phải, kích thước nhỏ.

+ Sẹo mặt sau 1/3 dưới cẳng tay phải, kích thước nhỏ.

Tổn thương đứt gân cơ duỗi cổ tay trụ, duỗi chung các ngón, duỗi ngón cái dài, duỗi riêng ngón V tay phải, đã khâu nối gân, còn hạn chế nhẹ động tác duỗi cổ tay phải.

- Kết luận:

Tỷ lệ tổn thương Cơ thể:

+ Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y1 quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể như sau:

+ Sẹo mặt sau 1/3 giữa cẳng tay phải: 01% (Mục I.1, C 8).

+ 02 sẹo mổ mặt sau 1/3 giữ cẳng tay phải, mỗi sẹo: 01% (Mục I.1, C 8).

+ Sẹo mặt sau 1/3 dưới cẳng tay phải: 01% (Mục I.1, C 8).

+ Tổn thương đứt gân cơ duỗi cổ tay trụ, duỗi chung các ngón, duỗi ngón cái dài, duỗi riêng ngón V tay phải, đã khâu nối gân, còn hạn chế nhẹ động tác duỗi cổ tay phải: 05% (Mục V.3.1, C 7).

+ Áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Phan Văn Thực t thời điểm giám định là: 09% (chín phần trăm).

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 291/KLTTCT-PY ngày 29/6/2023 của Trung tâm pháp y Sở Y, kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Đỗ Ngọc S tại thời điểm giám định là 0% (không phần trăm).

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 44/2023/HSST ngày 20/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Ngọc S phạm tội: "Cố ý gây thương tích".

2. Xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc S 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Ngọc S cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/12/2023 bị cáo Đỗ Ngọc S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 04/12/2023, bị hại ông Phan Văn T kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Đỗ Ngọc S

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội; bị cáo và bị hại đều giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng: Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét mức hình phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo mà Toà án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo và người bị hại là không có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hại kháng cáo, kháng nghị.

Người bị hại trình bày: Hành vi của bị cáo có tính chất côn đồ nên đề nghị Hội đồng xét xử không cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật và sức khoẻ của người khác, nên khoảng 17 giờ 30 phút ngày 17/5/2023, tại rẫy cà phê thuộc thôn I, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Đỗ Ngọc S đã có hành vi dùng dao rựa, là hung khí nguy hiểm, chém vào tay phải của ông Phan Văn T gây thương tích tỷ lệ 10%. Hành vi phạm tội trên của bị cáo Đỗ Ngọc S đã đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố gây thương tích", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đỗ Ngọc S, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện nộp tiền bồi thường để khắc phục toàn bộ thiệt hại cho người bị hại. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của người bị hại cho rằng hành vi của bị cáo là côn đồ, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm tăng nặng hình phạt và không cho bị cáo hưởng án

treo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người làm chứng, bị cáo và bị hại đều thừa nhận giữa bị cáo và gia đình bị hại đã có mâu thuẫn từ trước đó, đến ngày 17/5/2023 thì có lời qua tiếng lại giữa bị cáo với bà T1 (là vợ bị hại), trong lúc bực tức bà T1 dùng tay bẻ lá cây dừa do bị cáo trồng cạnh bờ hồ cá. Như vậy, nguyên nhân dẫn tới sự việc là xuất phát từ hai bên, do bị cáo không kiềm chế được nên đã có hành vi vi phạm pháp luật. Sau khi xảy ra sự việc, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại một phần thiệt hại, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ phần trách nhiệm dân sự và án phí theo quyết định của Bản án sơ thẩm. Điều này thể hiện sự tôn trọng pháp luật, sự ăn năn hối cải của bị cáo.Quá trình điều tra và tại các phiên toà bị cáo đều thành khẩn khai báo. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội. Vì vậy, kháng cáo của người bị hại về biện pháp áp chấp hành hình phạt đối với bị cáo là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đỗ Ngọc S của người bị hại ông Phan Văn T.

[4] Về án phí Hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; do kháng cáo của bị cáo, bị hại không được chấp nhận nên bị cáo Đỗ Ngọc S và bị hại ông Phan Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại ông Phan Văn T.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Ngọc S.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2023/HSST ngày 20/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk

[2] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc S 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cố ý gây thương tích"; thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Ngọc S cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bán án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

[3] Về án phí: Người bị hại ông Phan Văn T và bị cáo Đỗ Ngọc S mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- VP CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Búk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- Công an huyện Krông Búk;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đinh Thị Tuyết